

A. Nain
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 4145/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc
thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao
công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Bộ Công Thương; Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 356/TTr-BQLKCNCNSH ngày 07 tháng 11 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai (danh mục và nội dung đính kèm).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học; UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai nội dung Bộ thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, tại Bộ phận một cửa của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm photo đóng thành quyển Bộ thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của quyết định này; cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ.

Điều 4. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học cập nhật nội dung, quy trình giải quyết của từng thủ tục hành chính đã được công bố lên Phạm mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh (Trần Văn Vĩnh);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp;
- Báo Đồng Nai, Báo Lao động Đồng Nai,
- Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai;
- Trung tâm hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm kinh doanh VNPT;
- Lưu: VT, TH, NC, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO CÔNG NGHỆ
SINH HỌC TỈNH ĐỒNG NAI

*Thực hành kèm theo Quyết định số 4457/QĐ-UBND ngày 21/11/2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Số TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Số trang
I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ		
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	01
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	12
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc Hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	23
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	34
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.	43
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.	51
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	68
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư).	73
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.	80
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.	87
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư.	95

Handwritten signature

Handwritten signature and text: T. T. Vinh


12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.	108
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo Bản án, Quyết định của Tòa án, Trọng tài.	113
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	118
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	119
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	120
17	Giãn tiến độ đầu tư.	121
18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	125
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	128
20	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BBC.	132
21	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BBC.	136
22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.	138
23	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	143
24	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư.	144
25	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý.	146
26	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý.	156
II. LĨNH VỰC XÂY DỰNG		
1	Thủ tục cấp Giấy phép xây dựng	163
2	Thủ tục điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng	177
III. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ		
1	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	182
2	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	187
3	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	192
4	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương	198

Ac leol

AMU

	nhân nước ngoài tại Việt Nam.	
5	Châm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp Giấy phép.	203




Trần Thị Vũ